

LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 81

LUẬN VỀ THẬP MÔN (Phần 11)

Lại nữa, ly-Hỷ trú xả, Chánh niệm-Chánh tuệ-thân thọ lạc, Thánh cần phải nói về xả, trú đầy đủ trong Tĩnh lự thứ ba, đó gọi là Thiên đạo thứ ba.

Hỏi: Lúc đạt được Tĩnh lự thứ ba, lia toàn bộ các pháp hữu lậu của Tĩnh lự thứ hai, tại sao chỉ nói là ly Hỷ?

Đáp: Bởi vì Hỷ là đứng đầu, lia toàn bộ các pháp hữu lậu của Tĩnh lự thứ hai, cho nên chỉ nói đến Hỷ. Lại nữa, bởi vì Hỷ khó đoạn-khó phá-khó có thể vượt qua, cho nên chỉ nói đến Hỷ. Lại nữa, bởi vì Hỷ có nhiều những lỗi lầm tai họa, hừng hực và vững chắc, cho nên chỉ nói đến Hỷ. Lại nữa, bởi vì Hỷ ở lúc lia nhiễm của Tĩnh lự thứ hai, làm cho chướng ngại vô cùng, ràng buộc làm khó dễ, như cai ngục hung bạo, cho nên chỉ nói đến Hỷ. Lại nữa, các sư Du-già chỉ vì đối trị với Hỷ, cho nên tu Tĩnh lự thứ ba, vì vậy chỉ nói đến Hỷ. Lại nữa, các sư Du-già chán ghét Hỷ, cho nên rời toàn bộ Tĩnh lự thứ hai, vì vậy chỉ nói đến Hỷ. Lại nữa, Hỷ của địa trên không còn pháp nào có thể có, cho nên chỉ nói đến Hỷ.

Bởi vì các loại nhân duyên như vậy, cho nên chỉ nói đến ly Hỷ.

Trú xả, chánh niệm-Chánh tuệ, xả nghĩa là hành xả, Chánh niệm nghĩa là Niệm thiện thù thắng, Chánh tuệ nghĩa là Tuệ thiện thù thắng. Thân thọ lạc, thân nghĩa là ý thân. Có người đưa ra cách nói này: Lúc ý có niềm vui làm cho sắc thân do Đại chủng tạo ra có niềm vui thích hợp; đây chính là ý thức tương ứng với Lạc thọ, gọi là thân thọ lạc. Thánh cần phải nói về xả, Thánh nghĩa là chư Phật và đệ tử bậc Thánh, cần phải nói cho người khác biết, cần phải tự mình trú vào xả.

Hỏi: Thánh ở các địa đều cần phải nói về xả, tại sao chỉ nói đến

Tính lự thứ ba?

Đáp: Tỉnh lự thứ ba có đủ hai loại trở ngại do địa mình và địa khác, cho nên chỉ nói đến nó. Trở ngại do địa khác, nghĩa là Hỷ của Tỉnh lự thứ hai, trôi nổi-chìm đắm-tùy tiện-vội vàng như La-sát-tư, có thể làm cho sư Du-già sa sút đối với sự lìa nhiễm của Tỉnh lự thứ hai, cho nên nói cần phải rời bỏ, đừng để pháp Hỷ này làm cho trở ngại. Trở ngại do địa mình, nghĩa là Lạc của Tỉnh lự thứ ba, Lạc này mạnh nhất trong pháp Lạc của sinh tử, các sư Du-già nhiễm đắm lạc này, không cầu mong công đức vi diệu thù thắng của địa trên, cho nên nói đạo ấy là bắt đầu sự nghiệp tu tập của các sư Du-già, nói Lạc thọ này là nơi gây trở ngại, không nên nhiễm trước.

Lại nữa, Đức Phật và đệ tử cần phải nói cho người khác biết về sai lầm gây trở ngại do địa mình và địa khác của Tỉnh lự thứ ba, khuyên nhủ người khác khiến cho rời bỏ, vì vậy gọi là Thánh cần phải nói về xả. Nghĩa là nói cho người khác biết Tỉnh lự thứ ba có Lạc thọ thù thắng, có thể khiến cho chúng sinh nhiễm trước mê muội, không cầu mong công đức vi diệu thù thắng của địa trên, các người cần phải trú vào Chánh niệm-Chánh tri, đừng để pháp Lạc này làm cho trở ngại; cũng nói cho người khác biết Tỉnh lự thứ hai có Hỷ thị thù thắng, có thể khiến cho chúng sinh trôi nổi-chìm đắm-tùy tiện-vội vàng mà lui sụt mất đi sự lìa nhiễm của Tỉnh lự thứ hai, các người cần phải trú vào Chánh niệm và xả, đừng để pháp Hỷ này làm cho trở ngại. Như chủ buôn đã lâu vì người mới buôn bán, nói về lỗi lầm tai họa vốn có của các thành ấp-quốc gia, nghĩa là trong thành ấp như vậy-quốc gia như vậy, có nhiều những tai nạn như dâm nữ-cờ bạc-lừa gạt-quán rượu-giặc cướp... cần phải đề phòng tránh xa, đừng để cho các người mất mát tiền bạc-hàng hóa. Trú đầy đủ trong Tỉnh lự thứ ba, nghĩa là đạt được năm uẩn thiện thành tựu Tỉnh lự thứ ba, đạt được thành tựu gọi là trú đầy đủ.

Lại nữa, đoạn Lạc-đoạn khổ thì trước hết không còn Hỷ-Uỷ, không Khổ-không Lạc, xả niệm thanh tịnh, trú đầy đủ trong Tỉnh lự thứ tư, đó gọi là Thiên đạo thứ tư.

Hỏi: Đoạn Lạc ấy thì lúc đạt được Tỉnh lự thứ tư, lìa toàn bộ các pháp hữu lậu của Tỉnh lự thứ ba, tại sao chỉ nói là đoạn Lạc?

Đáp: Bởi vì Lạc là đứng đầu, lìa toàn bộ các pháp hữu lậu của Tỉnh lự thứ ba, cho nên chỉ nói đến Lạc. Lại nữa, bởi vì Lạc khó đoạn-khó phá-khó có thể vượt qua, cho nên chỉ nói đến Lạc. Lại nữa, bởi vì Lạc có nhiều những lỗi lầm tai họa, hừng hực và vững chắc, cho nên chỉ nói đến Lạc. Lại nữa, bởi vì Lạc vào lúc lìa nhiễm của Tỉnh lự thứ ba, gây trở ngại-ràng buộc và chướng ngại hết sức, như cai ngục hung

bạo, cho nên chỉ nói đến Lạc. Lại nữa, các sư Du-già chỉ vì đối trị với Lạc cho nên tu Tĩnh lực thứ tư, vì vậy chỉ nói đến Lạc. Lại nữa, các sư Du-già chán ghét Lạc, cho nên lià toàn bộ Tĩnh lực thứ ba, vì vậy chỉ nói đến Lạc. Lại nữa, Lạc ở địa trên không có pháp nào khác có thể có, cho nên chỉ nói đến Lạc.

Bởi vì các loại nhân duyên như vậy, cho nên chỉ nói đến đoạn lạc.

Hỏi: Đoạn khổ, lúc lià nhiệm cội Dục thì hành giả tu quán đã đoạn khổ căn, tại sao nay lià nhiệm của Tĩnh lực thứ ba thì mới nói đến đoạn khổ?

Đáp: Đây là đối với đã đoạn nói đến tên gọi là đoạn, nghĩa là đối với sự việc xa mà nói đến thanh gần, như người đã đến cũng nói là nay đến. Như nói: Đại vương đến từ nơi nào? Như đã giải thoát mà nói đến thanh giải thoát, như nói: Nhờ vào tri kiến này mà tâm giải thoát Dục lậu-Hữu lậu và vô minh lậu, lúc lià nhiệm cội Dục thì tâm đã giải thoát Dục lậu, lúc lià nhiệm của Phi tướng phi tướng xứ thì tâm đã giải thoát Hữu lậu và Vô minh lậu. Như đối với đã tiến vào mà nói đến thanh tiến vào, như nói: Bồ-tát tiến vào Chánh tánh ly sinh, đạt được trí tuệ thế tục hiện quán biên. Như đối với đã cảm thọ mà nói đến thanh cảm thọ, như nói: Lúc cảm thọ Lạc thọ thì biết đúng như thật là cảm thọ Lạc thọ, không có ai tự biết mình hiện đang cảm thọ, cho nên biết đã cảm thọ mà nói đến thanh cảm thọ. Trong này cũng như vậy, đã đoạn mà nói là đoạn, nghĩa là đối với sự việc xa mà nói đến thanh gần.

Lại nữa, dựa vào hai pháp không còn đều nói đến thanh đoạn. Nói là hai pháp, đó là Khổ và Lạc. Lúc lià nhiệm cội Dục tuy Khổ đã hết mà Lạc chưa hết, nay lià nhiệm của Tĩnh lực thứ ba rồi, Khổ-Lạc đều hết mà cùng nói đến thanh đoạn.

Lại nữa, đoạn lạc nghĩa là đoạn lạc căn của Tĩnh lực thứ ba, đoạn khổ nghĩa là đoạn tâm-tâm sở pháp tương ứng với khổ căn.

Lại nữa, đoạn lạc nghĩa là đoạn lạc căn của Tĩnh lực thứ ba, đoạn khổ nghĩa là đoạn hơi thở vào ra của Tĩnh lực thứ ba. Các bậc Hiền Thánh đối với hơi thở vào ra nảy sinh ý tưởng đối với khổ, vượt quá các dị sinh đối với ngục vô gián mà dấy khởi ý tưởng về khổ.

Lại nữa, đoạn lạc nghĩa là đoạn lạc căn của Tĩnh lực thứ ba, đoạn khổ nghĩa là lập tức đoạn lạc căn ấy, như nói: Vô thường cho nên khổ.

Trước hết không còn Hỷ-Uu, là lúc lià nhiệm cội Dục thì Uu căn đã mất, lúc lià nhiệm của Tĩnh lực thứ hai thì Hỷ căn đã tiếp tục mất, vì vậy nói nay trước hết không còn Hoặc-Uu.

Không Khổ-không Lạc, nghĩa là sự cảm thọ không khổ-không lạc. Xả thanh tịnh nghĩa là hành xả, Niệm thanh tịnh nghĩa là Niệm thiện.

Hỏi: Địa dưới cũng có xả-Niệm vô lậu, tại sao chỉ nói đến xả-Niệm thanh tịnh của Tĩnh lự thứ tư?

Đáp: Xả-Niệm của Tĩnh lự thứ tư, cùng lìa tám sự nhiễu loạn cho nên gọi là thanh tịnh, khổ-Lạc-Uu-Hỷ-hơi thở vào-hơi thở ra-Tầm-Tứ gọi là tám sự nhiễu loạn. Trong này đều không có pháp nào mà một mình gọi là thanh tịnh.

Lại nữa, Tĩnh lự thứ tư không có tai họa trong-ngoài cho nên gọi là thanh tịnh, ba Tĩnh lự dưới có tai họa trong-ngoài cho nên không gọi là thanh tịnh, nghĩa là trong Tĩnh lự thứ nhất có lửa Tầm-Tứ cho nên bên ngoài bị tai họa do lửa thiêu đốt, trong Tĩnh lự thứ hai có nước Cực Hỷ cho nên bên ngoài bị tai họa do nước rã nát, trong Tĩnh lự thứ ba có gió của hơi thở vào ra cho nên bên ngoài bị tai họa do gió bùng bùng, trong Tĩnh lự thứ tư không có ba tai họa này cho nên nói là thanh tịnh.

Lại nữa, thân khí sở y của Tĩnh lự thứ tư thì ba tai họa không đến được, Niệm không có quên mất, xả không có lẫn tạp, không giống như địa dưới cho nên nói là thanh tịnh.

Lại nữa, Tĩnh lự thứ tư lìa các phiền não và tùy phiền não, cho nên nói là xả-Niệm thanh tịnh chứ không phải là địa khác. Nghĩa là có Xả-Niệm lìa các phiền não chứ không phải là tùy phiền não, đó là xả-niệm vô lậu của ba Tĩnh lự dưới, hoặc có xả-niệm lìa tùy phiền não chứ không phải là các phiền não, đó là xả-niệm hữu lậu của Tĩnh lự thứ tư; hoặc có xả-niệm không phải là lìa các phiền não và tùy phiền não, đó là xả-niệm hữu lậu của ba Tĩnh lự dưới và tất cả xả-niệm của cõi Dục. Nên biết trong này nói tùy phiền não, tức là tám sự nhiễu loạn đã nói ở trên.

Lại nữa, sắc thân sở y của Tĩnh lự thứ tư trong sáng rõ ràng ví như ánh sáng ngọn đèn, xả-niệm dựa vào đó cho nên cũng thanh tịnh.

Lại nữa, Tĩnh lự thứ tư là nơi nương tựa viên mãn thù thắng trong các nơi nương tựa, là địa cứu cánh trong các địa, cho nên Xả-Niệm ấy cũng gọi là thanh tịnh.

Lại nữa, Định của Tĩnh lự thứ tư gọi là thế lực của Định bất động có khắp nơi thân sở y, cho nên Xả-Niệm ấy cũng gọi là thanh tịnh.

Lại nữa, Tĩnh lự thứ tư là nơi nương tựa của bảy Định, trên-dưới cùng có ba Định vô lậu, vì vậy xả-Niệm này cũng gọi là thanh tịnh.

Lại nữa, Tĩnh lự thứ tư có hai sự rộng lớn, một là xứ sở rộng lớn, hai là thiện căn rộng lớn, cho nên xả-Niệm ấy cũng gọi là thanh tịnh.

Lại nữa, Tĩnh lự thứ tư là nơi hằng hà sa Bồ-tát nương tựa để tiến vào Chánh tánh ly sinh, chứng được Vô thượng chánh đẳng Bồ-đề, cho nên Xả-Niệm ấy cũng gọi là thanh tịnh.

Lại nữa, Tĩnh lự thứ tư là nơi ba sư Du-già nương tựa để được tiến vào Chánh tánh ly sinh đạt được quả không còn lậu, đó là Phật-Độc giác và các Thanh văn, cho nên xả-Niệm ấy cũng gọi là thanh tịnh.

Lại nữa, Đại chủng tạo sắc của Tĩnh lự thứ tư, hình sắc hiển bày sắc đều rất vi diệu thù thắng, cho nên Xả-Niệm thanh tịnh.

Lại nữa, dựa vào trí Túc trí tùy niệm của Tĩnh lự thứ tư, có thể duyên với các sự Túc trú của cõi Dục và bốn Tĩnh lự, cho nên xả-Niệm ấy cũng gọi là thanh tịnh.

Bởi vì các loại nhân duyên như vậy, cho nên tất cả Xả-Niệm của Tĩnh lự thứ tư được gọi là thanh tịnh.

Trú đầy đủ trong Tĩnh lự thứ tư, nghĩa là đạt được năm uẩn thiện thành tựu Tĩnh lự thứ tư, đạt được thành tựu gọi là trú đầy đủ.

Như trong kinh nói: “Có bốn loại tâm sở tăng thượng trú trong pháp lạc hiện tại (Hiện pháp lạc trú).”

Hỏi: Tại sao gọi là tâm sở tăng thượng?

Đáp: Tâm sở trong này tức là Tam-ma-địa, không có Tam-ma-địa đầy đủ thế lực to lớn, mà có công dụng to lớn có năng lực thành tựu sự việc to lớn, có năng lực như bốn Tĩnh lự căn bản, cho nên loại này chỉ một mình gọi là tâm sở tăng thượng.

Lại nữa, trong bốn Tĩnh lự có vô lượng chủng loại công đức thù thắng của tâm sở tăng thượng, như Vô lượng-Giải thoát-Thắng xứ-Biến xứ, Vô ngại giải thoát-Vô tranh-Nguỵen trí-Biên tế tịnh..., vì vậy chỉ gọi là tâm sở tăng thượng.

Lại nữa, dựa vào bốn Tĩnh lự các sư Du-già dùng Vô lượng môn cảm thọ pháp lạc của tâm sở, nghĩa là các môn cộng đức đã nói trước đây, và ba Tam-ma-địa như Không không..., vì vậy chỉ gọi là tâm sở tăng thượng.

Lại nữa, pháp lạc của bốn Tĩnh lự này thâm nhiếp chung các hành, vì vậy chỉ gọi là tâm sở tăng thượng.

Hỏi: Trong bốn Tĩnh lự cũng có pháp lạc có năng lực dẫn dắt công đức sau pháp lạc, tại sao chỉ nói trú trong pháp lạc hiện tại?

Đáp: Cũng cần phải nói là trú trong pháp lạc về sau, mà không nói đến thì nên biết là kinh này có cách nói khác. Lại nữa, nếu nói đây là trú trong pháp lạc hiện tại, thì nên biết là đã nói trú trong pháp lạc về sau, bởi vì pháp lạc về sau dùng pháp lạc hiện tại làm nhân mà đạt

được.

Như trong kinh nói: “Trước hết ở nơi này tu đẳng chí nơi ấy rồi sau mới inh đến nơi ấy.”

Lại nữa, trú trong pháp lạc về sau dựa vào sự hệ thuộc trú trong pháp lạc hiện tại, trú trong pháp lạc hiện tại không dựa vào sự hệ thuộc trú trong pháp lạc về sau, vì vậy chỉ nói trú trong pháp lạc hiện tại tức là đã nói đến pháp ấy.

Lại nữa, trú trong pháp lạc hiện tại làm gia hạnh môn cho trú trong pháp lạc về sau, nếu đã nói pháp này thì đã nói đến pháp kia.

Lại nữa, trú trong pháp lạc hiện tại là nhân, trú trong pháp lạc về sau là quả, nếu đã nói nhân thì đã nói đến quả. Như nhân-quả nước, năng tác-sở tác, năng sinh-sở sinh, năng thành-sở thành, năng tục-sở tục, năng dẫn-sở dẫn, năng chuyển-sở chuyển, năng tương-sở tương, nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, pháp lạc hiện tại thì gần, pháp lạc về sau thì xa, nếu đã nói gần thì đã nói đến xa. Như gần-xa như vậy, bức bách gần bên cạnh-không phải là bức bách gần bên cạnh, hòa hợp-không phải là hòa hợp, chúng đồng phần của thân này và chúng đồng phần của thân khác, nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, trú trong pháp hiện tại, hoặc là ngu hay trí, nội đạo hay ngoại đạo, chánh quán hay tà quán, đều cùng tin là có, cho nên chỉ nói đến pháp ấy; trú trong pháp lạc về sau có người không tin chắc, như ác ngoại đạo, vì vậy cho nên không nói đến.

Lại nữa, những loại người ngu dốt phần nhiều tham vui sướng hiện tại chứ không mong cầu vui sướng về sau, ở trong vui sướng hiện tại tham một chút dục lạc chứ không mong cầu niềm vui tuyệt diệu của lìa dục rộng lớn. Đức Thế Tôn muốn khiến cho rời bỏ dục lạc nhỏ nhoi, đạt được niềm vui tuyệt diệu rộng lớn của bốn Tĩnh lự, đưa ra cách nói như vậy: Nếu các người cầu mong niềm vui rộng lớn thì nên rời bỏ dục lạc mà tu bốn Tĩnh lự. Vì vậy cho nên chỉ nói trú trong pháp lạc hiện tại.

Lại nữa, bởi vì bốn Tĩnh lự hiện ở trước mắt, nhất định cảm thọ niềm vui hiện có, cho nên chỉ nói đến pháp ấy; niềm vui về sau không nhất định, hoặc lui sụt mà sinh xuống dưới; hoặc tiến tới mà sinh lên trên, hoặc là nhập Niết-bàn, vì vậy cho nên không nói đến.

Bởi vì các loại nhân duyên như vậy, cho nên đức Thế Tôn chỉ nói bốn loại Tĩnh lự gọi là pháp lạc hiện tại. Cận phần -Vô sắc tuy cũng có nghĩa của Lạc, mà Khổ thân nhiếp chung các hành, cho nên không nói

đến.

Như trong kinh nói: “Như vậy bốn loại tâm sở tăng thượng trú trong pháp lạc hiện tại, những người tu Định thường xuyên vào ra, nên biết rõ ràng chính xác tịch tĩnh giải thoát vượt qua các sắc; bốn Vô sắc Định thì những người tu Định thường xuyên vào ra, nên đích thực nêu ra rõ ràng.”

Hỏi: Tại sao Đức Thế Tôn khuyên nhủ nên biết rõ ràng đối với bốn Tĩnh lự, đối với bốn Vô sắc thì khuyến khích nên nêu ra rõ ràng?

Đáp: Tĩnh lự hiển bày thô thiển rõ ràng dễ thấy, những người tu Định từ Tĩnh lự rời ra rồi lại ưa thích mong muốn tiến vào, Đức Phật bảo cho biết rằng: Nếu muốn tiếp tục tiến vào thì nên biết rõ ràng chính xác về tướng Định vào ra, đừng có sai lầm! Vô sắc vi tế, tướng ẩn kín khó thấy, những người tu Định từ đó rời ra rồi không thích tiến vào nữa, cho nên Đức Phật bảo cho biết rằng: Nếu không thích tiến vào nữa thì nên đích thực nêu ra rõ ràng cho người khác biết về tướng Định vào ra, đừng làm cho quên mất!

Lại nữa, trong bốn Tĩnh lự có nhiều công đức với các loại tướng khác nhau, những người tu định từ đó rời ra rồi lại ưa thích mong muốn tiến vào, Đức Phật bảo cho biết rằng: Nếu thích tiến vào nữa thì nên biết rõ ràng chính xác về tướng Định vào ra, đừng có sai lầm! Trong Vô sắc Định không có công đức với nhiều loại tướng khác nhau, những người tu Định từ đó rời ra rồi không thích tiến vào nữa, Đức Phật bảo cho biết rằng: Nếu không thích tiến vào nữa thì nên đích thực nêu ra rõ ràng cho người khác biết về tướng Định vào ra, đừng làm cho quên mất!

Lại nữa, trong bốn Tĩnh lự thì căn-thọ-tâm sở có nhiều tướng khác nhau, những người tu Định từ đó rời xa rồi lại ưa thích mong muốn tiến vào, Đức Phật bảo cho biết rằng: Nếu thích tiến vào nữa thì nên biết rõ ràng chính xác về tướng Định vào ra, đừng có sai lầm! Trong Vô sắc Định thì căn-thọ-tâm sở không có nhiều tướng khác nhau, những người tu Định từ đó rời ra rồi không thích tiến vào nữa, Đức Phật bảo cho biết rằng: Nếu không thích tiến vào nữa thì nên đích thực nêu ra rõ ràng cho người khác biết về tướng Định vào ra, đừng làm cho quên mất!

Lại nữa, trong bốn Tĩnh lự có vô lượng chủng loại công đức với lợi ích thù thắng, những người tu Định từ đó rời ra rồi lại ưa thích mong muốn tiến vào, Đức Phật bảo cho biết rằng: Nếu thích tiến vào nữa thì nên biết rõ ràng chính xác về tướng Định vào ra, đừng có sai lầm! Trong Vô sắc Định không có vô lượng chủng loại công đức với lợi ích thù thắng, những người tu Định từ đó rời ra rồi không thích tiến vào nữa,

Đức Phật bảo cho biết rằng: Nếu không thích tiến vào nữa thì nên đích thực nêu ra rõ ràng cho người khác biết về tướng Định vào ra, đừng làm cho quên mất!

Bởi vì các loại nhân duyên như vậy, cho nên Đức Phật khuyên nhủ nên biết rõ ràng đối với bốn Tĩnh lự, đối với bốn Vô sắc thì khuyến khích nên nêu ra rõ ràng.

Như trong kinh nói: “Bốn loại Tĩnh lự có bốn loại lợi ích thù thắng, bốn Vô sắc Định có một lợi ích thù thắng.”

Hỏi: Tại sao lợi ích thù thắng của Tĩnh lự có bốn, lợi ích thù thắng trong Vô sắc Định chỉ có một?

Đáp: Chính là do các loại nhân duyên đã nói trước đây, lợi ích thù thắng của Tĩnh lự và Vô sắc có khác nhau. Trong này lại có hai cách trả lời không giống như, đó là trong Tĩnh lự có ba loại Định:

1. Có Tâm có Tứ.
2. Không có Tâm chỉ có Tứ.
3. Không có Tâm không có Tứ.

Trong Vô sắc Định chỉ có một loại là không có Tâm không có Tứ.

Lại nữa, trong bốn Tĩnh lự có ba loại Thọ, đó là Hỷ-Lạc và xả; trong Vô sắc Định chỉ có Xả thọ. Vì vậy lợi ích thù thắng của bốn Tĩnh lự có bốn, lợi ích thù thắng trong Vô sắc Định chỉ có một.

Hỏi: Lợi ích thù thắng và Tĩnh lự có gì sai biệt?

Đáp: Tên gọi chính là sai biệt, đó là tên gọi Tĩnh lự, tên gọi lợi ích thù thắng. Lại nữa, Tĩnh lự có ba loại, đó là thiện-nhiễm ô và vô phú vô ký; lợi ích thù thắng chỉ có vô lậu. Lại nữa, Tĩnh lự hoặc là hệ thuộc cõi Sắc, hoặc là không hệ thuộc; lợi ích thù thắng chỉ là không hệ thuộc. Lại nữa, Tĩnh lự hoặc là Học, hoặc là Vô học, hoặc là Phi học phi vô học; lợi ích thù thắng chỉ là Học và Vô học. Lại nữa, Tĩnh lự hoặc là do kiến mà đoạn, hoặc là do tu mà đoạn, hoặc không có gì để đoạn; lợi ích thù thắng chỉ là không có gì để đoạn. Là Tĩnh lự gồm chung nhiễm và không nhiễm, lợi ích thù thắng chỉ là không nhiễm. Lại nữa, Tĩnh lự gồm chung có dị thực và không có dị thực, lợi ích thù thắng chỉ là không có dị thực. Lại nữa, Tĩnh lự do ba Đế thâm nhiếp, trừ ra Diệt đế; lợi ích thù thắng chỉ do Đạo đế thâm nhiếp. Đó gọi là sự sai biệt giữa Tĩnh lự và lợi ích thù thắng.

Như trong kinh nói: “Tĩnh lự thứ nhất diệt Ưu căn, Tĩnh lự thứ hai diệt Khổ căn.”

Hỏi: Lúc lìa nhiễm cõi Dục thì đoạn Ưu và Khổ, tại sao trong kinh

đưa ra cách nói này?

Đáp: dựa vào vượt qua đối trị cho nên đưa ra cách nói này, nghĩa là phần vị lìa nhiễm cõi Dục tuy đoạn khổ căn, mà chưa gọi là vượt qua đối trị về Khổ; đối với Tĩnh lực thứ nhất vào lúc đạt được lìa nhiễm, vượt qua đối trị về khổ cho nên nói là khổ diệt; đối trị về khổ, nghĩa là Tĩnh lực thứ nhất.

Lại nữa, dựa vào vượt qua chủng tánh và sở y của khổ cho nên đưa ra cách nói này, nghĩa là phần vị lìa nhiễm cõi Dục tuy đoạn Khổ căn, mà chưa vượt qua chủng tánh Khổ và chủng tánh của khổ cho nên nói là Khổ diệt; sở y và chủng tánh, đó là các Thức thân.

Hỏi: Phần vị lìa nhiễm cõi Dục tuy đoạn Ưu căn, mà chưa vượt qua sở y đối trị ấy và chủng tánh ấy, không nên nói là Ưu căn do Tĩnh lực thứ nhất diệt?

Đáp: đối trị-sở y-chủng tánh của Ưu căn đều thuộc về ý thức, đã cùng với Ưu căn đều thuộc về ý thức, cho nên lúc đang đoạn thì nói là Ưu căn diệt; sở y của Khổ căn và chủng tánh của Khổ, không cùng thuộc về một thức đối trị, cho nên vượt qua đối trị-sở y-chủng tánh mới nói là Khổ diệt.

Có người đưa ra cách nói này: Tĩnh lực thứ hai diệt khổ căn, đó là Tâm và Tứ diệt, bởi vì các Hiền Thành ở trong Tâm-Tứ phát sinh ý tưởng về Khổ, vượt quá các dị sinh chán ngán cái khổ của địa ngục; có thể phát sinh ý tưởng về khổ cho nên gọi là khổ căn.

Có lúc trong kinh nói: “Bốn Tĩnh lực giống như giường ghế.”

Hỏi: tại sao đức Thế Tôn nói bốn Tĩnh lực giống như giường ghế?

Đáp: Vốn tánh cao quý tốt đẹp, tánh thâm nhiếp tiếp nhận. Tánh cao quý tốt đẹp, là đối với cõi Dục mà nói, bởi vì Tĩnh lực vượt ra ngoài cõi Dục. Tánh thâm nhiếp tiếp nhận, là đối với pháp thiện mà nói, bởi vì Tĩnh lực thâm nhiếp tiếp nhận nhiều pháp thiện.

Lại nữa, các bậc Hiền Thánh, đối với chặn đường dài sinh tử vô thỉ đến nay sinh tâm mỗi một chán ngán vô cùng, tạm thời nghỉ ngơi ở trong Tĩnh lực, như đường dài mệt mỏi tạm thời ngồi nơi giường ghế, cho nên đối với Tĩnh lực nói đến thanh giường ghế.

Có lúc trong kinh nói: “Bốn loại Tĩnh lực ví như làn gió mát.”

Hỏi: Tại sao đức Thế Tôn nói bốn Tĩnh lực giống như làn gió mát?

Đáp: Pháp này có năng lực ngăn chặn hơi nóng của nghiệp-phiền não, nghĩa là Tĩnh lực thứ nhất có năng lực ngăn chặn các loại hơi nóng của phiền não-nghiệp bất thiện thuộc cõi Dục, Tĩnh lực thứ hai có năng

lực ngăn chặn hơi nóng của phiền não-nghiệp tương ứng với Tầm-Tứ thuộc Tĩnh lự thứ nhất, Tĩnh lự thứ ba có năng lực ngăn chặn hơi nóng của phiền não-nghiệp tương ứng với Hỷ cao nhất thuộc Tĩnh lự thứ hai, Tĩnh lự thứ tư có năng lực ngăn chặn hơi nóng của phiền não-nghiệp tương ứng với Lạc cao nhất thuộc Tĩnh lự thứ ba, cho nên nói Tĩnh lự ví như làn gió mát.

Có lúc trong kinh nói: “Bốn Tĩnh lự như đồ ăn thức uống tuyệt vời.”

Hỏi: tại sao Đức Thế Tôn nói đến Tĩnh lự như đồ ăn thức uống?

Đáp: Bởi vì có nghĩa có năng lực duy trì pháp thân. Như các loại đồ ăn thức uống tuyệt vời trong thôn ấp, đều chuyển đến kinh thành để nuôi lớn bậc tôn kính cao cả. Như vậy các loại thiện vi diệu thù thắng, đều tập trung vào Tĩnh lự để nuôi lớn pháp thân, cho nên nói Tĩnh lự trung gian cũng khó mà hiện khởi. Ví như có người dùng cây đánh gãy cây thì phải sử dụng nhiều công sức, sau đó mới gãy được; dùng tâm sở của đệ mình thuộc Tĩnh lự thứ nhất có diệt-có sinh cũng lại như vậy. ba Tĩnh lự sau thì cận phần khó phát khởi, căn bản dễ dàng phát khởi như Tĩnh lự thứ nhất, nên biết!

Hỏi: Đã lìa nhiễm của địa dưới, phát khởi Vô sắc Định cũng không gian nan, lẽ nào không phải là Lạc trú?

Đáp: Tuy lìa nhiễm của địa dưới nhưng vì Vô sắc Định rất vi tế, cho nên phát khởi cũng gian nan, lúc phát khởi Tĩnh lự thì dễ dàng hơn Vô sắc Định. Vả lại, cõi Vô sắc đã không có các sắc, không phải là ai cũng tin là có, cho nên người tu hành muốn phát khởi Định ấy cũng rất gian nan. Như Trưởng giả Trảo đến thưa rõ với Cự thọ A-nan-đà rằng: Tại sao chúng tôi suốt đời tham đắm năm cảnh như sắc..., nghe đến cõi Vô sắc sinh lòng kính sợ vô cùng, như đứng trước hố sâu, tại sao hữu tình mà cũng Vô sắc, cho nên khó tin là có. Bởi vì khó tin cho nên phát khởi hết sức gian nan.

Lại nữa, dựa vào bốn Tĩnh lự có thể dễ dàng lìa nhiễm chứ không phải là cận phần..., cho nên gọi là Lạc trú. Ví như hai người cùng đi đến một nơi, một người đi theo đường bộ, một người thì đi bằng thuyền, tuy cùng đến nơi ấy nhưng người đi bằng thuyền không gặp gian nan, chứ không phải là người đi theo đường bộ. Như vậy, hữu tình có người dựa vào Tĩnh lự mà lìa nhiễm, có người dựa vào cận phần-hoặc dựa vào Vô sắc mà lìa nhiễm, tuy đều lìa nhiễm mà dựa vào Tĩnh lự không gặp gian nan, chứ không phải là cận phần..., cho nên chỉ riêng Tĩnh lự được gọi là Lạc trú.

Lại nữa, chỉ trong Tĩnh lực có đủ hai loại Lạc cho nên gọi là Lạc trú:

1. Lạc của Lạc thọ.
2. Lạc của Khinh an.

Ba Tĩnh lực trước đều có đủ hai Lạc, Tĩnh lực thứ tư tuy không có Lạc của Lạc thọ, mà thế dụng rộng lớn của Lạc thuộc Khinh an hơn hẳn hai Lạc trước; cận phần và Vô sắc tuy có Khinh an mà không rộng lớn, cho nên không gọi là Lạc.

Lại nữa, Lạc có hai loại:

1. Lạc thuộc về chủ.
2. Lạc thuộc về khách.

Lạc thuộc về chủ, đó là dựa vào Tĩnh lực phát khởi trú trong Vô sắc. Trú trong địa của Tĩnh lực thì phát khởi đầy đủ hai Lạc, cho nên gọi là Lạc trú; trú trong địa của Vô sắc không có đủ hai Lạc, cho nên không phải là Lạc trú; cận phần không phải là hơn hẳn, cho nên không có được tên gọi.

Lại nữa, trong bốn Tĩnh lực không có nảo hại, thế dụng của Lạc rộng lớn chứ không phải là cận phần..., cho nên gọi là Lạc trú.

Như trong kinh nói: “Nếu ở nơi này không có các nảo hại thì nói tên gọi.

Lại nữa, lúc Tĩnh lực căn bản hiện ở trước mắt, nuôi lớn Đại chủng sinh ra trong toàn thân khiến cho thân vui sướng, cho nên gọi là Lạc trú; lúc cận phần Định... hiện ở trước mắt, nuôi lớn đại chủng chỉ sinh ra bên phía tâm, không phải là hết sức vui sướng, cho nên không phải là Lạc trú.

Có người đưa ra cách nói này: Lúc cận phần Định... hiện ở trước mắt, nuôi lớn Đại chủng tuy sinh ra toàn thân, mà tác dụng nuôi dưỡng không bằng lúc Tĩnh lực hiện ở trước mắt nuôi lớn đại chủng, cho nên không phải là Lạc trú. Ví như hai người cùng tắm một hồ, một người toàn thân đi vào làn nước, một người đi vào làn nước thì thấm ướt nhiều hơn, chứ không phải là người dùng tay khoát nước.

Lại nữa, trong bốn Tĩnh lực thì lực của Chỉ và Quán bằng nhau, cho nên gọi là Lạc trú; trong cận phần Định thì Quán mạnh-Chỉ yếu, trong Vô sắc Định thì Chỉ mạnh-Quán yếu, đều không phải là Lạc trú.

Lại nữa, trong bốn Tĩnh lực thì Tĩnh tiến và Chỉ bình đẳng mà chuyển, cho nên gọi là Lạc trú; tuy lực Tĩnh tiến của tất cả các địa đều mạnh, mà trong Tĩnh lực bị Chỉ kèm chế cho nên chuyển bình đẳng, địa khác thì không như vậy, cho nên không phải là Lạc trú.

Lại nữa, trong bốn Tĩnh lự thì xả Đoạn tăng thượng mà nhiệm có thể đạt được, cho nên gọi là Lạc trú, nghĩa là lúc lìa nhiệm có hai loại Đoạn:

1. Tăng thượng xả Đoạn.
2. Có công dụng Đoạn.

Dựa vào cận phần-Vô sắc lúc lìa các nhiệm, gọi là có công dụng Đoạn, bởi vì hết sức gian nan; dựa vào Tĩnh lự căn bản lúc lìa các nhiệm, gọi là tăng thượng xả Đoạn, bởi vì tùy ý vận dụng mà chuyển. Ví như hai người cùng đi đến một phía, một người cưỡi ngựa tốt, một người cưỡi ngựa kém; người cưỡi ngựa tốt không gian nan lắm mà đến nơi cần đến, người cưỡi ngựa kém thật là gian nan mới có thể đến được nơi ấy.

Lại nữa, trong bốn Tĩnh lự không có công dụng của đạo mà lìa nhiệm có thể đạt được, cho nên gọi là Lạc trú; cận phần-Vô sắc có công dụng của đạo mà được lìa nhiệm, cho nên không phải là Lạc trú. Như rất nhiều người cũng vượt qua dòng sông rộng, có người dựa vào bó cỏ, có người dựa vào túi phao, có người dựa vào bè mảng, có người dựa vào tàu thuyền; người dựa vào tàu thuyền tùy ý vận dụng đến được bờ bên kia một cách yên lành, người dựa vào đồ vật khác thì sợ hãi và rất gian nan mới đến được bờ bên kia. Hữu tình cũng như vậy, vượt qua dòng sông phiền não thì có người dựa vào Tĩnh lự, có người dựa vào địa khác, tuy cùng từ bờ bên này là sinh tử vượt qua đến bờ kia là Niết-bàn, mà người dựa vào Tĩnh lự thì an lạc dễ dàng đến được, cho nên gọi là Lạc trú, chứ không phải là người dựa vào cận phần và Vô sắc.

Bởi vì các loại nhân duyên như vậy, cho nên chỉ có bốn Tĩnh lự gọi là Lạc trú.

Như tên gọi Lạc trú, như vậy cũng gọi là Xúc trú-Câu trú.

Bốn Vô lượng:

1. Từ.
2. Bi.
3. Hỷ.
3. Xả.

Hỏi: Tại sao Tĩnh lự không gán đoạn nói là Vô lượng?

Đáp: Bởi vì Tĩnh lự dẫn dắt phát khởi bốn vô lượng. Lại nữa, Tĩnh lự và Vô lượng lại dẫn dắt nhau. Lại nữa, bởi vì bốn vô lượng là công đức thù thắng trong Tĩnh lự.

Hỏi: Bốn vô lượng này tự tánh là gì?

Đáp: Từ và Bi đều dùng căn thiện không Sân làm tự tánh, bởi vì

đối trị với Sân. Nếu bao gồm Thủ tướng ứng với tùy chuyển, thì bốn Uẩn-năm Uẩn làm tự tánh, cõi Dục là bốn Uẩn, cõi Sắc là năm uẩn.

Hỏi: Nếu Từ và Bi đều lấy căn thiện không Sân làm tự tánh để đối trị với Sân, thì Từ đối trị với những Sân nào, Bi đối trị với những Sân nào?

Đáp: Từ đối trị với Sân làm mất mạng sống, Bi đối trị với Sân đánh đập mắng nhiếc. Lại nữa, Từ đối trị với cần phải Sân để xử lý Sân, Bi đối trị với không cần phải Sân để xử lý Sân.

Có người đưa ra cách nói này: Từ vô lượng dùng căn thiện không Sân làm tự tánh đối trị với Sân, Bi vô lượng lấy không hại làm tự tánh đối trị với hại, Hỷ lấy Hỷ căn làm tự tánh. Nếu bao gồm Thủ tướng ứng với tùy chuyển, thì cõi Dục là bốn Uẩn làm tự tánh, cõi Sắc là năm Uẩn làm tự tánh.

Hỏi: Nếu Hỷ vô lượng lấy Hỷ căn làm tự tánh, thì luận Phẩm Loại Túc nói nên thông hiểu thế nào? Như nói: “Thế nào là Hỷ vô lượng? Đó là Hỷ và Hỷ tương ứng với Thọ-Tướng-Hành-Thức.” Nếu do Hỷ mà dấy khởi hai nghiệp thân-ngữ, thì do Hỷ mà dấy khởi tâm bất tương ứng hành đều gọi là Hỷ, lẽ nào có Hỷ thọ cùng với thọ tương ứng?

Đáp: Văn ấy nên nói là Hỷ và Hỷ tương ứng với Tướng-Hành-Thức, không nên nói Thọ mà nói đến Thọ ấy là người tụng sai lầm. Lại nữa, luận ấy nói chung năm Uẩn làm tự tánh của Hỷ vô lượng, tuy Hỷ thọ và Thọ không tương, mà tâm-tâm sở pháp khác cùng với Thọ tương ứng, cho nên đưa ra cách nói này cũng không trái với lý.

Có Sư khác nói: Hỷ vô lượng này lấy vui mừng làm tự tánh, Thế của vui mừng không phải là Thọ có riêng tâm sở cùng với tâm tương ứng.

Có người nói: Vui mừng ở trong tự tương ứng với Hỷ căn có thể đạt được.

Có người đưa ra cách nói này: Sau Hỷ căn sinh ra vui mừng, do lực của Hỷ mà dẫn dắt phát khởi. Nếu đưa ra cách nói này thì Hỷ vô lượng này cùng với Thọ tương ứng cũng không trái lý.

Xả dùng căn thiện không tham làm tự tánh, bởi vì đối trị với tham. Nếu bao gồm Thủ tướng ứng với tùy chuyển, thì cõi Dục là bốn Uẩn làm tự tánh, cõi Sắc là năm Uẩn làm tự tánh. Như vậy gọi là tự tánh của vô lượng.

Hỏi: Bốn vô lượng này có tướng thế nào?

Đáp: Tự tánh tức là tướng, tướng tức là tự tánh, bởi vì tự tánh cùng với tướng không tương ứng. Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy:

“Trao cho lợi ích là tướng của Từ, trừ bỏ suy tổn là tướng của Bi, chúc mừng hỉ han được hay bỏ là tướng của Hỷ, quên và nhớ bình đẳng là tướng của Xả.”

Đã nói về tự tánh và tướng của Vô lượng, nguyên cố nay sẽ nói đến.

Hỏi: Vì sao gọi là Vô lượng, Vô lượng là nghĩa gì?

Đáp: Duyên với tất cả hữu tình, đối trị với Vô lượng phiền não-hý luận, cho nên gọi là Vô lượng.

Hỏi: Hý luận có hai loại:

1. Hý luận do Ái.
2. Hý luận do kiến.

Vô lượng nào đối trị với hý luận nào?

Đáp: Vô lượng không có năng lực đoạn các phiền não, nhưng có năng lực chế phục, hoặc làm cho chuyển thành xa cách, có lúc bốn loại đều đối trị với Ái, có lúc bốn loại đều đối trị với kiến. Nếu dựa vào bốn loại đối trị gần mà nói, thì nên nói Từ-Bi đối trị gần với hý luận do kiến, bởi vì hành của kiến là nhiều nóng giận; Hỷ-xả đối trị gần với hý luận do Ái, bởi vì hành của Ái là nhiều gần gũi nhờ cậy.

Có người đưa ra cách nói này: Từ-Bi đối trị gần với hý luận do Ái, Hỷ-Xả đối trị gần với hý luận do kiến.

Lại nữa, duyên với tất cả hữu tình, đối trị với Vô lượng phiền não-phóng dật, cho nên gọi là Vô lượng. Nghĩa là bốn Vô lượng có năng lực đối trị gần với những phiền não phóng dật của cõi Dục.

Lại nữa, bốn loại như vậy là nơi dạo chơi vui thú rộng rãi của các Hiền Thánh, cho nên gọi là Vô lượng. Như người giàu sang có nơi dạo chơi vui đùa rộng rãi với vô lượng chủng loại, đó là những vườn cảnh-cung điện-lầu đài và những nơi dạo chơi-săn bắn..

Lại nữa, bốn loại như vậy có thể duyên với vô lượng hữu tình làm cảnh, sinh ra vô lượng phước, dẫn đến vô lượng quả, cho nên gọi là Vô lượng.

Bốn Vô lượng này, về cõi thì ở cõi Dục-cõi Sắc; về địa thì ba loại Từ-Bi-Xả ở bầy địa, đó là cõi Dục-bốn Tĩnh lự và Vị chí Định-Tĩnh lự trung gian.

Có người nói: Ở mười địa, đó là bốn Tĩnh lự-bốn cận phần, Tĩnh lự trung gian và cõi Dục.

Hỷ vô lượng ở ba địa, đó là cõi Dục và hai Tĩnh lự đầu. Có Sư khác nói: Hai Tĩnh lự đầu không có Bi vô lượng. Nguyên cố thế nào? Bởi vì hai Tĩnh lự đầu có Hỷ thọ hơn hẳn chuyển hành tướng vui mừng

(Hoan), Bi vô lượng chuyển hành tướng lo buồn (Thích). Hai Tĩnh lực đầu nếu như có Bi, thì trong một tâm có vui mừng-có lo buồn sẽ trái với chánh lý.

Hỏi: Nếu như vậy thì hai Tĩnh lực đầu làm sao có chán ngán (Yếm) vô lậu?

Đáp: Chán ngán vô lậu tương ứng với tác ý chân thật chứ không trái với Hỷ, Như Như đối với cảnh hiểu rõ tướng chân thật, như vậy và như vậy sinh ra vui mừng hỉ han (Hỷ úy) sâu sắc; Như Như đối với cảnh sinh ra vui mừng hỉ han sâu sắc, như vậy và như vậy lại mừng rỡ với sự hiểu rõ ấy, như người cầu vật báu mà đào đất; Như Như đào đất, như vậy có được các vật báu; Như Như có được vật báu, như vậy và như vậy lại mừng rỡ đào đất. Bi vô lượng tương ứng với tác ý thắng giải, cho nên trái với Hỷ.

Lời bình: Nên đưa ra cách nói này: Hai Tĩnh lực đầu có Bi vô lượng. Vì sao biết như vậy? Bởi vì có Chí giáo lượng. Như chương Định Uẩn nói: “Hai Tĩnh lực đầu thấu nhiếp bốn Vô lượng của hai Tĩnh lực đầu...” Vì vậy biết là có Bi.

Bốn Vô lượng này, về sở y thì chỉ dựa vào thân của cõi Dục mà được hiện khởi. Về hành tướng thì Từ có hành tướng mang cho niềm vui. Bi có hành tướng loại bỏ nỗi khổ, Hỷ có hành tướng vui mừng thăm hỏi; xả có hành tướng bố thí sắp đặt. Về sở duyên thì chỉ duyên với cõi Dục, chỉ duyên với tụ tập, chỉ duyên với hòa hợp, chỉ duyên với hữu tình, nghĩa là duyên với hữu tình có hai Uẩn-năm Uẩn của cõi Dục làm cảnh. Nếu các hữu tình trú tâm trong địa mình thì duyên với năm Uẩn ở đó; nếu các hữu tình trú tâm trong địa khác, hoặc không có tâm thì duyên với hai Uẩn ở đó.

Có người đưa ra cách nói này: Vô lượng của Tĩnh lực thứ nhất duyên với hữu tình cõi Dục, Vô lượng của Tĩnh lực thứ hai duyên với hữu tình cõi Dục và hữu tình Tĩnh lực thứ nhất, Vô lượng của Tĩnh lực thứ ba duyên với hữu tình cõi Dục và hữu tình Tĩnh lực thứ nhất-thứ hai, Vô lượng của Tĩnh lực thứ tư duyên với hữu tình cõi Dục và hữu tình ba Tĩnh lực dưới.

Lại có người nói: Vô lượng của Tĩnh lực thứ nhất duyên với hữu tình cõi Dục và hữu tình Tĩnh lực thứ nhất, Vô lượng của Tĩnh lực thứ hai duyên với hữu tình cõi Dục và hữu tình Tĩnh lực thứ nhất-thứ hai, Vô lượng của Tĩnh lực thứ ba duyên với hữu tình cõi Dục và hữu tình ở ba Tĩnh lực dưới, Vô lượng của Tĩnh lực thứ tư duyên với hữu tình cõi Dục và hữu tình ở bốn Tĩnh lực.

Có Sứ khác nói: Từ vô lượng duyên với cõi Dục và ba Tịnh lự dưới. Nguyên cố thế nào? Bởi vì Từ vô lượng chuyển hành tướng mang cho niềm vui, chỉ trong bốn địa có Lạc thọ. Bi vô lượng chỉ duyên với cõi Dục. Nguyên cố thế nào? Bởi vì Bi vô lượng chuyển hành tướng loại bỏ nỗi khổ, chỉ trong cõi Dục có Khổ thọ. Hỷ vô lượng duyên với cõi Dục và hai Tịnh lự đầu. Nguyên cố thế nào? Bởi vì Hỷ vô lượng chuyển hành tướng vui mừng thăm hỏi, chỉ trong ba địa có Hỷ thọ. Xả vô lượng duyên với cõi Dục và bốn Tịnh lự. Nguyên cố thế nào? Bởi vì Xả vô lượng chuyển hành tướng bố thí sắp đặt, trong tất cả các địa có Xả thọ.

Lời bình: Trong những cách nói này thì cách nói thứ nhất là thích hợp, đó là bốn Vô lượng chỉ duyên với cõi Dục làm cảnh.

Về niệm trú thì bốn loại này chỉ đi cùng với pháp niệm trú. Về trí thì bốn loại này chỉ đi cùng với Thế tục trí. Về Tam-ma-địa thì bốn loại này không đi cùng với Tam-ma-địa, bởi vì chỉ là hữu lậu. Về căn tương ứng thì ba loại Từ-Bi-Xả tương ứng với ba căn Hỷ-Lạc-Xả, Hỷ hoàn toàn không tương ứng với Thọ căn. Nếu nói bao gồm về tương ứng tùy chuyển ấy, thì Hỷ cũng tương ứng với Hỷ căn. Về quá khứ-vị lai-hiện tại, thì bốn Vô lượng này đều nối thông cả ba đời, quá khứ duyên với quá khứ, hiện tại duyên với hiện tại, vị lai có thể sinh pháp duyên với vị lai-không thể sinh pháp duyên với ba đời. Về thiện-bất thiện và vô ký, bốn vô lượng này chỉ là thiện, duyên với ba loại về hệ thuộc cõi Dục-cõi Sắc và cõi Vô sắc, bốn Vô lượng này hệ thuộc cõi Dục và cõi Sắc, chỉ duyên với hệ thuộc cõi Dục. Về Học-Vô học và Phi học phi vô học, bốn Vô lượng này chỉ là Phi học phi vô học, chỉ duyên với Phi học phi vô học. Vì do kiến mà đoạn-do tu mà đoạn và không đoạn, bốn Vô lượng này chỉ là do tu mà đoạn, duyên với kiến-tu mà đoạn. Về duyên với danh-duyên với nghĩa, bốn Vô lượng này duyên chung cả hai loại. Về duyên với Tự tương tục-duyên với Tha tương tục, bốn Vô lượng này chỉ duyên với Tha tương tục. Về gia hạnh đặc-ly nhiễm đặc, bốn Vô lượng này đều gồm chung hai loại.

Nên biết trong này nói ly nhiễm đặc, đó là Vô lượng của Tịnh lự thứ nhất lìa nhiễm của cõi Dục mà đạt được, Vô lượng của Tịnh lự thứ hai lìa nhiễm của Tịnh lự thứ nhất mà đạt được, Vô lượng của Tịnh lự thứ ba lìa nhiễm của Tịnh lự thứ hai mà đạt được, Vô lượng của Tịnh lự thứ tư lìa nhiễm của Tịnh lự thứ ba mà đạt được; hoặc là lúc lìa nhiễm của địa trên địa mình, tu đạt được Vô lượng. Gia hạnh đặc, nghĩa là bốn Vô lượng phần nhiều do gia hạnh mà hiện rõ ở trước mắt, Phật không do gia hạnh mà hiện rõ ở trước mắt, Độc giác do gia hạnh phẩm Hạ mà

hiện rõ ở trước mắt, Thanh văn do gia hạnh phẩm Trung-Thượng mà hiện rõ ở trước mắt, dị sinh không nhất định bởi vì nhiều chủng tánh.

Từng đạt được-chư từng đạt được, bốn Vô lượng này đều gồm chung hai loại, tất cả Thánh giả và dị sinh trú trong thân đời sau đều gồm chung hai loại, các dị sinh khác chỉ là đã từng đạt được. Có người đưa ra cách nói này: Tất cả Thánh giả và dị sinh trú vào Nội pháp đều gồm chung hai loại, dị sinh Ngoại pháp chỉ là đã từng đạt được.

